TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Hữu Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ D (Mỷ D), sinh ngày 05 tháng 02 năm 2000; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thái B, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 8 năm 2022, bản khai ngày 25 tháng 11 năm 2022, chị Phạm Thị Mỹ D trình bày: Vào năm 2018, chị quen biết với anh Phạm Thái B, qua tìm hiểu hai bên tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới trong năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới, chị và anh B cùng nhau đi làm tại tỉnh B Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân về chuyện tình cảm, cải nhau, sống chung không hợp nên chị và anh B đã không còn sống chung từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy rằng tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh B. Về con chung: Chị và anh B chung sống có 01 con chung Phạm Nhất T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2019, cháu Nhất T sống chung với anh B từ nhỏ cho đến nay, nay ly hôn chị thống nhất giao cháu Nhất T cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị và anh B tự thoả thuận với nhau, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với anh Phạm Thái B, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D được ly hôn với anh Phạm Thái B; về con chung: Giao cháu Phạm Nhất T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2019 cho anh Phạm Thái B tiếp tục nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B chưa có yêu cầu; về tài sản chung, chị D trình bày tự thoả thuận và nợ chung chị D trình bày không có, anh B không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Thái B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Mỹ D và anh Phạm Thái B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ D đối với anh Phạm Thái B, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Mỹ D thì cuộc sống của chị và anh Thái B không hạnh phúc từ năm 2020, không hợp ý nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau và anh chị đã không còn chung sống từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị Mỹ D đối với anh Thái B hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Mỹ D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Mỹ D ly hôn với anh Thái B.

[4] Về việc nuôi con: Chị Phạm Thị Mỹ D thống nhất giao cháu Phạm Nhất T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2019 cho anh Phạm Thái B tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị Mỹ D và anh Thái B không còn sống chung và hiện nay thì cháu Nhất T do anh Thái B chăm sóc, nuôi dưỡng và để ổn định việc sinh hoạt của cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Thái B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhất T, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B chưa có yêu cầu, nếu anh B

có yêu cầu thì anh được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Mỹ D cho rằng đã tự thoả thuận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Phạm Thái B không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Chị Phạm Thị Mỹ D cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Phạm Thái B không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ D, cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Mỹ D và anh Phạm Thái B.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Anh Phạm Thái B được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Phạm Nhất T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2019.

2.2. Chị Phạm Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mỹ D chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004128 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã PT, huyện HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng